

Số : 3994 /BHXH-NVGĐ1
V/v thông báo mẫu thẻ BHYT và mã số ghi
trên thẻ BHYT.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2014

Kính gửi : Các cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

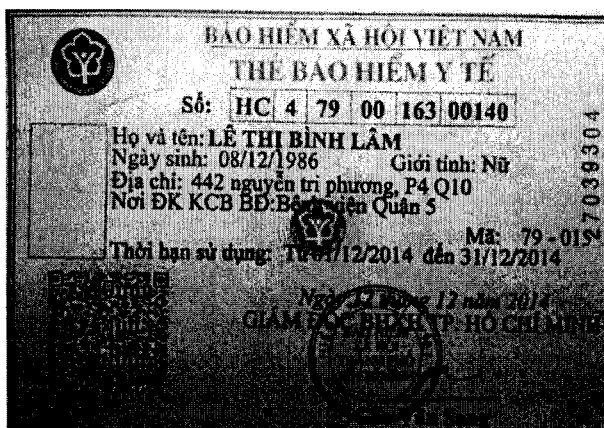
Thực hiện Quyết định số 1313/QĐ-BHXH về việc ban hành mẫu thẻ bảo hiểm y tế và Quyết định số 1314/QĐ-BHXH ban hành mã số ghi trên thẻ bảo hiểm y tế ngày 02/12/2014 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội TP. Hồ Chí Minh thông báo thẻ BHYT theo mẫu mới được phát hành từ ngày 10/12/2014 như sau:

I/ Mẫu thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) sử dụng thống nhất trong phạm vi cả nước

Mẫu thẻ:

Hình thức: nền màu trắng, ở giữa in mờ biểu tượng Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam màu xanh cô ban với những vòng tròn xung quanh lan tỏa, màu sắc giảm dần, khoảng cách từ tâm biểu tượng BHXH Việt Nam đến vòng tròn ngoài cùng là 12 mm; bên ngoài có khung viền nét đôi màu xanh cô ban.

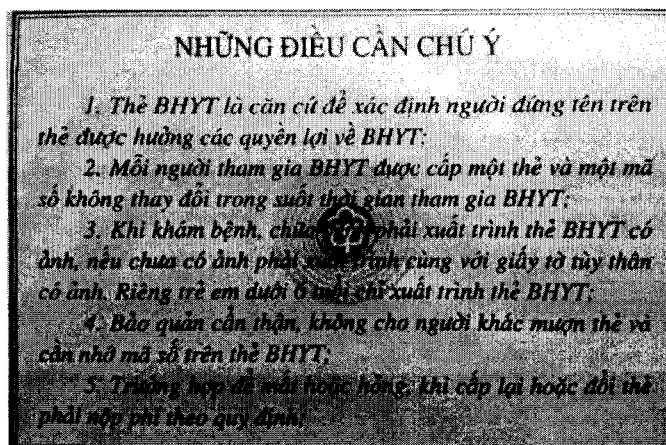
Mặt trước



- Tiếp giáp với lề trái của thẻ BHYT:
 - Trên cùng in biểu tượng BHXH Việt Nam màu xanh cô ban, đường kính 10 mm, có sử dụng chất liệu phản quang chống giả.
 - Tiếp dưới là vị trí để dán hoặc in ảnh của người tham gia BHYT.
 - Dưới cùng là vị trí mã vạch.
- Tiếp giáp với lề phải của thẻ BHYT:
 - Trên cùng có dòng chữ "BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM" có đường kẻ chân màu xanh cô ban.
 - Tiếp dưới là dòng chữ "THẺ BẢO HIỂM Y TẾ" màu đỏ

- Đọc theo đường viền mép phải của thẻ BHYT in "số serial" của phôi thẻ BHYT màu đỏ có sử dụng chất liệu phản quang chống giả,
- Dưới cùng là dấu phiên hiệu của BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đường kính 21 mm màu đỏ, có sử dụng chất liệu phản quang chống giả.

Mặt sau:



- Trên cùng in dòng chữ "NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý" màu đen.
- Tiếp dưới in các dòng chữ màu đen với nội dung như sau:
 - "1. Thẻ BHYT là căn cứ để xác định người đứng tên trên thẻ được hưởng các quyền lợi về BHYT.
 2. Mỗi người tham gia BHYT được cấp một thẻ và một mã số không thay đổi trong suốt thời gian tham gia BHYT.
 3. Khi khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình thẻ BHYT có ảnh, nếu chưa có ảnh phải xuất trình cùng với giấy tờ tùy thân có ảnh. Riêng trẻ em dưới 6 tuổi chỉ xuất trình thẻ BHYT;
 4. Bảo quản cẩn thận, không cho người khác mượn thẻ và cần nhớ mã số trên thẻ BHYT.
 5. Trường hợp để mất hoặc hỏng, khi cấp lại hoặc đổi thẻ phải nộp phí theo quy định."

II/ Nội dung in trên thẻ BHYT:



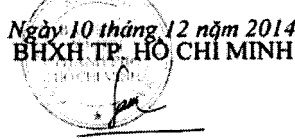
1. Mã thẻ BHYT gồm 15 ký tự, được chia thành 06 ô:

XX	X	XX	XX	XXX	XXXXX
----	---	----	----	-----	-------

- Hai ký tự đầu (ô thứ nhất): được ký hiệu bằng chữ (theo bảng chữ cái la tinh), là mã đối tượng tham gia BHYT. (đính kèm bảng mã đối tượng)
- Ký tự tiếp theo (ô thứ 2): được ký hiệu bằng số (theo số thứ tự từ 1 đến 5) là mức hưởng BHYT. (đính kèm bảng mã quyền lợi).
- Hai ký tự tiếp theo (ô thứ 3): được ký hiệu bằng số (từ 01 đến 99) là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi phát hành thẻ BHYT

- d. Hai ký tự tiếp theo (ô thứ 4): được ký hiệu bằng số (từ 00 đến 99) hoặc bằng chữ (theo bảng chữ cái latin, từ AA đến ZZ) hoặc bằng tổ hợp giữa số và chữ, là mã quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, nơi quản lý và phát hành thẻ BHYT.
 - e. Ba ký tự tiếp theo (ô thứ 5): được ký hiệu bằng số (từ 001 đến 999) là mã đơn vị quản lý, theo địa giới hành chính và theo loại đối tượng.
 - f. Năm ký tự cuối (ô thứ 6): được ký hiệu bằng số (theo số tự nhiên từ 00001 đến 99999), là số thứ tự của người tham gia BHYT trong 01 đơn vị.
2. **Họ và tên:** ghi họ và tên của người tham gia BHYT bằng chữ in hoa.
 3. **Ngày sinh:** ghi ngày, tháng, năm sinh của người tham gia BHYT.
 4. **Giới tính:** ghi nam hoặc nữ theo hồ sơ đăng ký tham gia BHYT.
 5. **Mã nơi đối tượng sinh sống:** ghi ký hiệu nơi người dân tộc thiểu số và người thuộc hộ gia đình nghèo đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ký hiệu nơi người tham gia BHYT đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo. (đính kèm bảng mã nơi đối tượng sinh sống)
 6. **Địa chỉ:** địa chỉ nơi cư trú (thường trú, tạm trú) của người có tên trên thẻ BHYT. Riêng trẻ em dưới 06 tuổi: địa chỉ của mẹ hoặc cha hoặc người giám hộ; trẻ em bị bỏ rơi: địa chỉ của người nuôi dưỡng hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng.
 7. **Nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu:** tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó.
 8. **Thời hạn sử dụng:** thời hạn sử dụng của thẻ BHYT
 9. **Thời điểm đủ 05 năm liên tục:** thời hạn tham gia BHYT đủ 05 năm liên tục. Riêng các đối tượng được quỹ BHYT thanh toán 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung Luật BHYT thì phần này trống.
 10. **Cha (mẹ): (thẻ BHYT trẻ em dưới 6 tuổi mới có dòng này)** họ và tên mẹ hoặc họ và tên cha; hoặc tên người giám hộ (cá nhân hoặc người đại diện tổ chức được pháp luật quy định hoặc được cử để thực hiện việc chăm sóc và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ).

Mẫu thẻ BHYT trẻ em dưới 6 tuổi

 BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM THE BẢO HIỂM Y TẾ							
Số: <table border="1"><tr><td>TE</td><td>1</td><td>79</td><td>11</td><td>001</td><td>01920</td></tr></table>		TE	1	79	11	001	01920
TE	1	79	11	001	01920		
Họ và tên: PHAN BẢO NGỌC							
Ngày sinh: 12/11/2014	Giới tính: Nữ						
Địa chỉ: 242/26 Nguyễn Thiện Thuật							
Cha (mẹ): NGUYỄN THỊ THANH CHUNG							
Nơi ĐK KCB BD: Bệnh viện Quận 3							
Mã: 79 - 009							
Thời hạn sử dụng: Từ 12/11/2014 đến 11/11/2020							
	 Ngày 10 tháng 12 năm 2014 BHXH TP. HỒ CHÍ MINH						
Cao Văn Sang							

11. Vị trí để dán ảnh: có khung trống nét đơn màu đen kích thước 20mm x 30mm. **Riêng thẻ BHYT trẻ em dưới 6 tuổi không có vị trí dán ảnh**

12. Vị trí mã vạch: ở dưới vị trí để in hoặc dán ảnh của người tham gia BHYT, mã vạch in trên thẻ BHYT là mã vạch hai chiều, chứa các thông tin trên thẻ và chuỗi ký tự kiểm tra BHYT.


III/ Quy định chuyển tiếp:

Các mã số ghi trên thẻ BHYT cấp trước ngày 10/12/2014 còn thời hạn sử dụng sau 31/12/2014 thì tiếp tục được sử dụng với quyền lợi mới như sau:


1. Các đối tượng có mã **HN4, BT4**: sẽ được hưởng 100% chi phí KCB. Riêng chi phí dịch vụ kỹ thuật cao trong thời gian chờ Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với DVKT y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia BHYT theo quy định tạm thời sẽ được hưởng 100% nhưng không quá 40 tháng lương cơ sở hiện hành cho một lần sử dụng DVKT cao chi phí lớn.
2. Các đối tượng có mã **CB7, KC7**: sẽ được hưởng 100% chi phí KCB, chi phí vận chuyển (nếu có). Riêng chi phí dịch vụ kỹ thuật cao trong thời gian chờ Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với DVKT y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia BHYT theo quy định tạm thời sẽ được hưởng 100% nhưng không quá 40 tháng lương cơ sở hiện hành cho một lần sử dụng DVKT cao chi phí lớn và chi phí vận chuyển trong trường hợp cấp cứu hoặc nội trú.
3. Các đối tượng có mã **TC7, CN6**: sẽ được hưởng 95% chi phí KCB. Riêng chi phí dịch vụ kỹ thuật cao trong thời gian chờ Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với DVKT y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia BHYT theo quy định tạm thời sẽ

được hưởng 95% nhưng không quá 40 tháng lương cơ sở hiện hành cho một lần sử dụng DVKT cao chi phí lớn.

Đề nghị các cơ sở KCB phối hợp triển khai thực hiện và điều chỉnh hệ thống phần mềm, máy quét thẻ BHYT, nếu khó khăn vướng mắc liên hệ với Giám định viên hoặc Phòng Nghiệp vụ giám định 1, 2 của Bảo hiểm xã hội Tp. Hồ Chí Minh để được hướng dẫn.

Trân trọng. 

Nơi nhận :

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Các Phòng chức năng;
- BHXH quận, huyện;
- Giám định viên (150);
- Sở Y tế Tp.HCM (đề p/h)
- Lưu VT 

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lưu Thị Thanh Huyền



MÃ QUYỀN LỢI

Mã quyền lợi	Quyền lợi chung	Giới hạn tỷ lệ thanh toán một số thuốc, hóa chất, VTYT, DVKTC theo quy định của BHYT	Riêng vận chuyển	Gồm đối tượng	Ghi chú
1	100%	100%	Có	CC, TE	
2	100%	Có giới hạn	Có	CK, CB, KC, HN, DT, DK, XD, BT, TS	
3	95%	Có giới hạn	Không	HT, TC, CN	100% chi phí KCB tại tuyến xã và cho 1 lần KCB thấp hơn 15% tháng lương cơ sở
4	80%	Có giới hạn	Không	DN, HX, CH, NN, TK, HC, XK, TB, NO, CT, XB, TN, CS, XN, MS, HD, TQ, TA, TY, HG, LS, HS, SV, GB, GD	100% chi phí KCB tại tuyến xã và cho 1 lần KCB thấp hơn 15% tháng lương cơ sở
5	100%	100%	Có	QN, CA, CY	Được hưởng các chi phí KCB ngoài phạm vi được hưởng BHYT



MÃ NƠI ĐỐI TƯỢNG SINH SỐNG

MÃ KÝ HIỆU	NƠI SINH SỐNG	GHI CHÚ
K1	Là mã nơi người dân tộc thiểu số và người thuộc hộ gia đình nghèo tham gia BHYT, đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật	Những thẻ BHYT có mã nơi đối tượng sinh sống (ký hiệu: K1, K2, K3) khi tự đi KCB không đúng tuyến, được quỹ BHYT thanh toán chi phí KCB đối với bệnh viện tuyến huyện, điều trị nội trú đối với bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến trung ương (không cần giấy chuyển tuyến KCB)
K2	Là mã nơi người dân tộc thiểu số và người thuộc hộ gia đình nghèo tham gia BHYT, đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật	
K3	Là mã nơi người tham gia BHYT đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo theo quy định của pháp luật	

TƯỢNG	TÊN GỢI	MÃ
1. Người lao động	Người lao động làm việc trong các doanh nghiệp	DN
	Người lao động làm việc trong các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	HX
	Người lao động làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức xã hội khác.	CH
	Người lao động làm việc trong cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại VN	NN
	Người lao động làm việc trong tổ chức khác	TK
	Cán bộ, công chức, viên chức	HC
	Người hoạt động không chuyên trách ở xã, thị trấn	XK
2 Nhóm do tổ chức BHXH đóng	Người hưởng lương hưu, trợ cấp mức sức lao động	HT
	Người đang hưởng trợ cấp BHXH do bị tai nạn lao động, nghề nghiệp	TB
	Người lao động nghỉ việc đang hưởng chế độ ốm đau dài ngày	NO
	Người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng	CT
	Cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp BHXH	XB
	Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp	TN
	Công nhân cao su nghỉ việc đang hưởng trợ cấp hàng tháng	CS
3 Nhóm do ngân sách nhà nước đóng	Sỹ quan, quân nhân, người hưởng lương như quân nhân, học viên các trường quân đội	QN
	Sỹ quan, hạ sĩ, chiến sĩ kỹ thuật đang công tác ngành công an, học viên trường công an	CA
	Người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân (trừ ĐT QN và CA)	CY
	Cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc hưởng trợ cấp từ NSNN	XN
	Người đã thôi hưởng trợ cấp mất sức LĐ đang hưởng trợ cấp hàng tháng từ NSNN	MS
	Người có công với cách mạng trước ngày 01/01/1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8/1945; Bà mẹ VN anh hùng; thương binh, thương binh loại B, bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;	CC
	Người có công cách mạng trừ đối tượng được cấp mã CC	CK
	Cựu chiến binh	CB
	Người tham gia kháng chiến	KC
	Đại biểu quốc hội, đại biểu hội đồng ND các cấp đương nhiệm	HD
	Trẻ em dưới 6 tuổi, kể cả trẻ đủ 72 tuổi mà chưa đến kỳ nhập học	TE
	Người thuộc diện trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng.	BT
	Người thuộc hộ gia đình nghèo	HN
	Người dân tộc thiểu số	DT
	Người đang sinh sống tại vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn	ĐK
	Người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo	MDH
	Thân nhân của người có công với cách mạng là cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con của liệt sỹ; người có công nuôi dưỡng liệt sỹ	TS
	Thân nhân của người có công với cách mạng, trừ các đối tượng được cấp mã TS	TC
	Thân nhân của đối tượng được cấp mã QN	TQ
	Thân nhân của đối tượng được cấp mã CA	TA
Thân nhân của đối tượng được cấp mã CY	TY	
Người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật	HG	
Người nước ngoài đang học tập tại Việt Nam được cấp học bổng từ NSNN Việt Nam	LS	
4. Nhóm được ngân sách NN hỗ trợ mức đóng	Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	CN
	Học sinh	HS
	Sinh viên	SV
	Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp	GB
5 Nhóm tham gia BHYT theo hộ gia đình	Người tham gia BHYT theo hộ gia đình	GD